TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA –TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 25/11/2021
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Viết Côi** và Ông **Nguyễn Hạ Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Khuyến** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST – HNGĐ ngày 29/10/2021 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn***: Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1991
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* ***Bị đơn***: Chị **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Nơi ĐKNKTT: thôn TD, xã CT, huyện UH, TP. Hà Nội.

****Người làm chứng***: Bà **Đỗ Thị O** – sinh năm: 1961 (Vắng mặt)
Địa chỉ: thôn TD, xã CT, huyện UH, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn trình bày: anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1994. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, năm 2015.

Quá trình chung sống: Sau thời gian tìm hiểu, anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh ở thôn TD, xã CT sinh sống cùng gia đình nhà anh. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do sự khác biệt về văn hóa vùng miền, lối sống cũng như không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế.

Anh chị thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã khiến cả hai mệt mỏi. Gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Đến đầu năm 2018, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, mỗi người một cuộc sống. Nay thời gian đã lâu, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được ly hôn để sớm được ổn định cuộc sống.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H1 – sinh ngày: 22/01/2016. Hiện nay cháu đang ở với chị H. Từ khi vợ chồng anh sống ly thân thì cháu vẫn ở với chị H. Nay để cháu có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn thì anh có nguyện vọng để mẹ cháu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu chị H không nuôi con thì anh sẽ có trách nhiệm nuôi con. Anh sẽ có trách nhiệm với con theo khả năng của mình.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nH1 không đến Tòa làm việc. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Tuy nhiên, chị H vẫn không đến Tòa án làm việc do đó không có quan điểm trình bày.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng: bà Đỗ Thị O trình bày: bà là mẹ đẻ của anh T. Sau khi anh T và chị H kết hôn thì anh chị ở chung nhà với vợ chồng ông bà. Cuộc sống chung của anh T, chị H theo bà thì không hạnh phúc, không hòa thuận. Nguyên nhân theo bà biết thì do việc làm ăn kinh tế không thuận, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau, va chạm. Đến khoảng năm 2018, anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, vì tH con, tH cháu nên bà cũng khuyên bảo, động viên anh chị rất nhiều nH1 không có kết quả. Nay cuộc sống của sống của anh T, chị H không hạnh phúc nên đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị được ly hôn để anh chị sớm ổn định cuộc sống. Anh T, chị H có 01 con chung là Nguyễn Gia H1 – sinh ngày: 22/01/2016, Hiện cháu H1 đang ở với mẹ, để cuộc sống của cháu ổn định thì bà cũng mong cháu tiếp tục được ở với mẹ. Về tài sản, công sức, công nợ: thời điểm anh chị ở chung với ông bà thì chị H, anh T không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình, anh chị cũng không nợ nần gì vợ chồng ông bà.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã CT xác định: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, ngày 26/5/2015. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh T, chị H hòa thuận không có điều tiếng gì. Đến vài năm gần đây, cuộc sống chung của anh chị không hòa thuận, hạnh phúc, địa phương không thấy anh T và chị H sống chung với nhau. Chị H đi làm ăn ở đâu địa pH không nắm được nhưng thi thoảng mới về. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không rõ. Nay anh T làm đơn xin ly hôn với chị H, quan điểm của địa pH đề nghị Tòa xem xét chấp nhận nguyên vọng của anh T để cả hai sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: cháu

H1 hiện đang ở với chị H, để cuộc sống của cháu ổn định, đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên toà, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật. Anh T vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H. Giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ□ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập chị Nguyễn Thị H đến toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; quyết định hõa phiên tòa. Tại phiên toà hôm nay, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: anh T và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, sau kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Sau một thời gian dài sống ly thân, không ai quan tâm đến ai thì anh T nộp đơn xin ly hôn với chị H. Xét thấy cuộc sống giữa anh T và chị H mẫu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H1 – sinh ngày: 22/01/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H1 ở với chị H. Anh T có nguyện vọng giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; chị H không có quan điểm trình bày. Xét, nguyện vọng của các bên đương sự và tình hình thực tế để cháu H1 có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn; giao chị H tiếp tục nuôi

dưỡng, chăm sóc cháu H1 và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ:Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết; chị H không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tr□ờng hợp nếu sau này các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H;

2. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H1 – sinh ngày: 22/01/2016. Giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Văn T cho đến khi cháu H1 trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp tại Biên lai thu số 0057066 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thanh Minh

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND huyện Ứng Hoà;*
- *Chi cục THADS Ứng Hoà;*
- *Cơ quan thực hiện ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs; V/P./.*

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**